

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	14/13	Số 2,12m ² /học sinh
II	Loại phòng học	14	
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	10.961 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3.215 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	804 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	79,2 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	61,6 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	61,6 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	61,6 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	61,6 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	12 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	61,6 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	72	24 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	0	
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	74	25 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 3	82	27 bộ/lớp
2.4	Khối lớp 4	61	30 bộ/lớp
2.5	Khối lớp 5	72	36 bộ/lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	13	1/lớp
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Máy chiếu Projector	06	1
6	Vi tính văn phòng	03	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	04, 236 m ²	160	1,47
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		x		0,2 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đông Triều, ngày 27 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mơ